



KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY - TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Từ khóa tuyển sinh 2016

Ngành: **TÂM LÝ HỌC**
Mã số ngành: **52310401**
Khoa: **Khoa học xã hội và nhân văn**

126 tín chỉ tích lũy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 1											
01	PSY304	Nhập môn ngành Tâm lý học	BB	2	2					K. KHXH&NV	
02	PSY314	Trải nghiệm ngành, nghề	BB	1		1				K. KHXH&NV	
03	SKL101	Phương pháp học đại học	BB	3	3					K. GDĐC	
04	NAS101	Môi trường và con người	BB	3	3					K. GDĐC	
05	LAW101	Pháp luật đại cương	BB	3	3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 1		12	11	1	0	0	0		
Học kỳ 2											
01	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	BB	2	2					K. GDĐC	
02	SOS102	Văn Hiến Việt Nam	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY306	Sinh lý học hoạt động thần kinh cấp cao	BB	3	3					K. KHXH&NV	
04	PSY303	Giáo dục học đại cương	BB	2	2					K. KHXH&NV	
05	PSY307	Tâm lý học căn bản	BB	3	3					K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 2		13	13	0	0	0	0		
Học kỳ 3											
01	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	BB	3	3					K. GDĐC	
02	NAS203	Thống kê ứng dụng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY305	Phương pháp nghiên cứu tâm lý học	BB	3	3					K. KHXH&NV	
04	PSY309	Tâm lý học giao tiếp	BB	2	2					K. KHXH&NV	
05		Chọn 1 trong 3 HP:									

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
	INT201	Đại cương về Công nghệ thông tin và Truyền thông	TC	3	3					K. GDĐC	
	SOS203	Các nền văn minh thế giới			3					K. GDĐC	
	VIE201	Kỹ năng sử dụng tiếng Việt			3					K. GDĐC	
		Tổng Học kỳ 3		14	20	0	0	0	0		
Học kỳ 4											
01	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại	BB	3	3					K. GDĐC	
02	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY312	Tâm lý học phát triển	BB	3	3					K. KHXH&NV	
04	PSY311	Tâm lý học nhân cách	BB	3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY310	Tâm lý học giới tính	BB	2	2					K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 4		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 5											
01	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	BB	2	2					K. GDĐC	
02	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY313	Tâm lý học xã hội	BB	3	3					K. GDĐC	
04	PSY308	Tâm lý học gia đình	BB	3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY432	Tâm lý học tham vấn	BB	3	3					K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 5		14	14	0	0	0	0		
Học kỳ 6											
01	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	BB	3	3					K. GDĐC	
02	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY302	Chẩn đoán tâm lý	BB	3	3					K. KHXH&NV	
04	PSY420	Kỹ năng tham vấn tâm lý	BB	3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY437	Tham vấn học đường	BB	2	2					K. KHXH&NV	
06	PSY443	Kiến tập nghề nghiệp	BB	1		1				K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 6		15	14	1	0	0	0		
Học kỳ 7											
01	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	BB	3	3					K. GDĐC	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/TN	TT	ĐA/MH	ĐA/KLTN		
02	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng	BB	3	3					K. GDĐC	
03	PSY439	Thực hành tổng hợp về tham vấn tâm lý tại cơ sở (trường học)	BB	3		3				K. KHXH&NV	
		(Chọn 1 trong 2 chuyên ngành)									
		CN. Tham vấn và trị liệu tâm lý:									
04	PSY426	Tâm bệnh học	BB	3	2					K. KHXH&NV	
05	PSY436	Tiếng Anh chuyên ngành Tham vấn và trị liệu tâm lý	BB	2	2					K. KHXH&NV	
		CN. Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự:									
04	PSY429	Tâm lý học quản lý	BB	3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY435	Tiếng Anh chuyên ngành Tham vấn và quản trị nhân sự	BB	2	2					K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 7		14	15	3	0	0	0		
Học kỳ 8											
		Sinh viên chọn 1 trong 2 chuyên ngành:									
		CN. Tham vấn và trị liệu tâm lý:									
01	PSY433	Tâm lý học thần kinh	BB	2	2					K. KHXH&NV	
02	PSY428	Tâm lý học lâm sàng	BB	2	2					K. KHXH&NV	
03	PSY422	Nhập môn trị liệu tâm lý	BB	2	2					K. KHXH&NV	
04	PSY417	Các liệu pháp trị liệu tâm lý	BB	3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY442	Trị liệu hệ thống	BB	3	3					K. KHXH&NV	
06	PSY441	Thực hành tổng hợp về trị liệu tâm lý tại cơ sở	BB	3		3				K. KHXH&NV	
		CN. Tham vấn tâm lý và Quản trị nhân sự:									
01	PSY415	Luật lao động	BB	2	2					K. KHXH&NV	
02	PSY421	Nghị quyết vụ quản trị nhân sự	BB	3	3					K. KHXH&NV	
03	PSY431	Tâm lý học quản trị nhân sự	BB	3	3					K. KHXH&NV	
04	PSY427	Tâm lý học lao động	BB	2	3					K. KHXH&NV	
05	PSY430	Tâm lý học quản trị kinh doanh	BB	2	2					K. KHXH&NV	
06	PSY438	Thực hành tổng hợp về quản trị nhân sự tại cơ sở	BB	3		3				K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 8		15	12	3	0	0	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Tính chất (bắt buộc hay tự chọn)	Số tín chỉ	Phân bổ tín chỉ					Đơn vị quản lý học phần	Ghi chú
					LT	TH/ TN	TT	ĐA MH	ĐA/ KLTN		
Học kỳ 9											
01		Chọn 1 trong 3 HP:	TC	3							
	MAN201	Quản trị học			3					K. GDĐC	
	ART201	Biểu diễn âm nhạc và khiêu vũ			3					K. GDĐC	
	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa			3					K. GDĐC	
02	PSY544	Thực tập tốt nghiệp		3			3			K. KHXH&NV	
03	PSY543	Khóa luận tốt nghiệp		9					9	K. KHXH&NV	
		Các HP tự chọn thay thế KLTN (chọn 3 trong 6 HP):		9							
04	PSY425	Stress và cách ứng phó		3	3					K. KHXH&NV	
05	PSY418	Giáo dục gia đình và giáo dục trẻ cá biệt		3	3					K. KHXH&NV	
06	PSY419	Hướng nghiệp trong nhà trường phổ thông		3	3					K. KHXH&NV	
07	PSY416	Các giá trị sống và kỹ năng sống		3	3					K. KHXH&NV	
08	PSY423	Những vấn đề tình yêu, hôn nhân và gia đình		3	3					K. KHXH&NV	
09	PSY424	Quan hệ lao động		3	3					K. KHXH&NV	
		Tổng Học kỳ 9		15	0	0	3	0	9		

Ghi chú:

1. Các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh: học tập trung trong thời gian hè, theo lịch của Trường.
2. Các học phần Giáo dục thể chất sẽ được bố trí theo kế hoạch chung của toàn trường.
3. Các học phần Kỹ năng mềm, Ngoại ngữ - Tin học chuẩn đầu ra: sinh viên liên hệ Viện Doanh trí Văn Hiến; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN

Lê Sĩ Hải